**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN H**
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ - ST
Ngày 04 tháng 5 năm 2018
V/v: " Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG.**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Công Hoan;

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1 - Ông Nguyễn Xuân Trường;

2 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Ngô Thanh Thuần – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018; Về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 4 năm 2018, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1991 (Có mặt);

- Nơi ĐKHHT: Xóm Đ Ng, thôn H A, xã H L, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

- Địa chỉ hiện nay: Xóm 7, Khu 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

+ *Bị đơn*: Anh Lê Văn Đ - sinh năm 1982(Có mặt);

Địa chỉ: Xóm Đ Ng, thôn H A, xã H L, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2018 và ngày 21/3/2018, bản tự khai ngày 23/3/2018 và biên bản hòa giải ngày 29/3/2018 tại Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang (BL 01; 02; 03; 20; 30), chị Nguyễn Thị Thu H trình bày trình bày:

1- Về quan hệ Hôn nhân:

Chị và anh Lê Văn Đ có đăng ký kết hôn, theo chứng nhận kết hôn số 33 ngày 24 tháng 9 năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân xã H L, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn Chị về chung sống cùng anh Đ ngay, thời gian đầu tình cảm vợ chồng thương yêu nhau, khi chị đi làm ở Công ty, anh Đ ở nhà chăn nuôi, tiền lương và các khoản thu nhập chị đều chuyển vào thẻ ATM, Chủ thẻ ATM đứng tên Chị, nhưng anh Đ quản lý và rút tiền để chi tiêu cho cuộc sống gia đình. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ

chồng Chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn cãi, đánh nhau, lý do anh Đ đưa ra rất vô lý, anh Đ còn mải chơi lô, đề. Chị đi làm anh Đ chỉ đưa cho Chị 500.000đồng/tháng để chi tiêu mua xăng xe đi lại. Đầu năm 2017 vợ chồng sày ra cãi nhau, Chị đã bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở thị trấn T từ ngày 13/3/2017 cho đến nay. Chị mắc bệnh và đi mổ Viêm phúc mạc vòi trứng hai bên, viêm ruột thừa dính ruột sau sinh, bệnh của Chị rất nặng, nhưng trong thời gian đó anh Đ cũng như gia đình anh Đ không quan tâm, hỏi han gì Chị. Chị nằm viện 01 tháng thì ra viện, sau khi ra viện về Chị lên thăm con thì anh Đ hành hung đánh Chị, anh Đ đã sử dụng búa đinh đập vỡ chiếc xe mô tô ga của Chị, vất quà Chị mua cho con, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, anh Đ còn nhắn tin chửi bới, xúc phạm Chị, do vậy Chi không dám về nhà để thăm nom con. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Lê Văn Đ.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 3 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 29 tháng 3 năm 2018 (BL 21; 30). Anh Lê Văn Đ có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị Thu H có đăng ký kết hôn như chị H đã khai ở trên là đúng. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường. Sau khi cưới chị H vẫn đi học Cao đẳng, sau hai năm chung sống, Chị H sinh con và nghỉ ở nhà, Anh đi làm thợ mộc để có tiền chi tiêu trong cuộc sống gia đình, sau khi sinh con thứ 2, Anh nghỉ ở nhà để xây dựng nhà cửa và làm công việc chăn nuôi để được gần vợ, giúp đỡ công việc cho chị H đỡ vất vả. Sau một thời gian Anh và chị H thống nhất, để chị H đi làm Công ty để có thêm thu nhập. Trong thời gian làm ở Công ty, Anh cho rằng chị H có quan hệ với người đàn ông khác, Anh đã vài lần có ý kiến nhưng chị H không thay đổi, vì vậy vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 03/2017 cho đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Chị H, anh Đ đều xác nhận có 02 con chung là Lê Đức A - sinh ngày 01/01/2011 và Lê Minh T – sinh ngày 11/02/2014, hiện nay cả 02 con chung đang sinh sống cùng anh Đ. Ly hôn chị H xin được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Minh T, anh Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Đức A, anh Đ có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Lê Đức A và Lê Minh T, về cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự đều không có yêu cầu khi được nuôi con.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/3/2018 cháu Lê Đức A có ý kiến: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, Cháu có nguyện vọng được sinh sống cùng bố là anh Lê văn Đ.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh Đ đều thỏa thuận tự giải quyết, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/3/2018 chị H, anh Đ đã thỏa thuận thuận, thuận tình ly hôn và hòa giải thành về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Trong thời gian 07 ngày chờ đến hạn ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, thì ngày 04/4/2018 chị H có đơn không đồng ý thỏa thuận ngày 29/3/2018 và Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Lê Minh T, anh Đ nuôi dưỡng con chung là Lê Đức A. Lý do Chị xin nuôi con là để nuôi dưỡng con

cũng như về sau này Chị được con ở bên và an ủi Chị, vì Chị đã phẫu thuật cắt BoE buồng trứng và không thể sinh đẻ được nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Lê Văn Đ và xin được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là Lê Minh T, anh Đ nuôi dưỡng con chung là Lê Đức A. Chị và anh Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tại phiên tòa do chị Nguyễn Thị Thu H, anh Lê Văn Đ chỉ thỏa thuận về thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc tự thỏa thuận về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, không thỏa thuận được với nhau về việc người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và phát biểu về việc giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Văn Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi tổ chức cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không không tin tưởng nhau về tình cảm, mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi, đánh nhau. Chị H đã phải bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ từ ngày 13 tháng 3 năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài và không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, do vậy mục đích hôn nhân giữa chị H và anh Đ không đạt được. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, cũng như lời khai có trong hồ sơ vụ án. Ý kiến của chính quyền địa phương nơi chị H và anh Đ sinh sống, thì nguyên nhân vợ chồng chị H và anh Đ hay sảy ra mâu thuẫn cãi nhau, đánh nhau, nguyên nhân mâu thuẫn về tình cảm và không tin tưởng nhau về kinh tế. Chị H đã bỏ về bố mẹ đẻ sinh sống tháng 3 năm 2017 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Văn Đ không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Chị H và anh Đ đã sống ly thân một thời gian dài, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng vợ chồng không thỏa thuận được việc về đoàn tụ. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Lê Văn Đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Văn Đ đều thỏa thuận thuận tình ly hôn. Vì vậy việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H với anh Lê Văn Đ là phù hợp với qui định tại Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy HĐXX chấp nhận việc thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Văn Đ.

+ Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là Lê Đức A – sinh ngày 01/01/2011 và Lê Minh T – sinh ngày 11/02/2014, hiện nay cả 02 con chung đang sinh sống cùng anh Đ. Ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là Lê

Minh T, anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 02 con chung là Lê Đức A và Lê Minh T, về cấp dưỡng nuôi con cả hai bên đều không có yêu cầu.

Hôi đồng xét xử xét thấy: Về điều kiện nuôi con thì cả chị H, anh Đ đều có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Chị H sinh sống cùng bố mẹ đẻ có nhà cửa, cũng gần trường học của thị trấn T, hiện tại chị H đang làm công nhân tại Công ty TNHH một thành VieenSi Tech Việt Nam thuộc khu công nghiệp V Tr, huyện V có thu nhập ổn định hàng tháng từ 6.000.000đồng (Có xác nhận thu nhập của Chị, gửi cho Tòa án). Anh Đ lao động từ chăn nuôi và nông nghiệp cũng có thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000đồng (Năm triệu đồng), anh Đ vẫn cho các con chung học tập, có nhà cửa.

Xét về điều kiện nuôi con và nguyện vọng của hai bên đương sự, quyền làm mẹ của người phụ nữ, quyền lợi của các con chung cả về vật chất và tinh thần. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao nuôi dưỡng con chung cho chị H, anh Đ mỗi người được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con. Do mỗi bên đương sự trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung và không có yêu cầu về cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Lê Văn Đ, chị Nguyễn Thị Thu H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên sau ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Chị H, anh Đ đều thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án mà Kiểm sát viên có ý kiến: Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và đảm bảo đúng qui định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

+ □p dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H với anh Lê Văn Đ.

2 - Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Minh T – sinh ngày 11/02/2014; Giao cho anh Lê Văn Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Lê Đức A – sinh ngày 01/01/2011; Chị H, anh Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Trường hợp sau này người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có yêu cầu về thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, khi có yêu cầu thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

Anh Lê Văn Đ, chị Nguyễn Thị Thu H đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, chị H, anh Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ, chị H thực hiện quyền này.

3 - Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Lê Văn Đ đều thỏa thuận tự giải quyết. Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4 - Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/000126 ngày 23/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Chị H đã nộp đủ tiền án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án , hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7 b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- UBND xã H L;
- L- u hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Công Hoan**